

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Huỳnh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị X (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 07/9/1968 tại Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Giúp việc nhà; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H (chết) và bà Trương Thị T (chết); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4; có chồng là Đỗ T, sinh năm 1967; bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1951. Nơi cư trú: Số 110 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1999. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: 24 B, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: 18 H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 29 tháng 9 năm 2019, bà Lê Thị X là người giúp việc nhà cho bà Phạm Thị N tại căn nhà số 110 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, đang dọn dẹp vệ sinh trong phòng ngủ của bà N tại tầng 3 thì thấy chiếc kết sắt không khóa, bà X đã mở chiếc kết sắt ra, thấy bên trong có một chiếc giỏ màu trắng có chấm bi màu đen, bà X tiếp tục mở khóa kéo của chiếc giỏ thì thấy có nhiều ngăn nhỏ bên trong, bà X lục soát ngăn đầu tiên thì thấy bên trong có 01 sợi dây chuyền bằng chất liệu kim loại màu vàng dài khoảng 60cm, có mặt là viên đá màu xanh nhạt, hình tròn, bà X lấy sợi dây chuyền cất vào túi quần. Tiếp tục lục soát ngăn khác thì thấy có một chiếc bóp nhỏ màu vàng, khi mở bóp ra thì thấy bên trong có nhiều tờ tiền đôla Mỹ trị giá 100 USD, bà X rút 3.000 USD bỏ vào túi quần và bỏ số tiền còn lại vào trong bóp cất lại chỗ cũ. Sau khi trộm cắp được sợi dây chuyền và số đôla Mỹ, bà X tiếp tục dọn vệ sinh. Đến 8 giờ cùng ngày, bà X xin phép bà N đi may áo quần, sau khi rời nhà bà N thì bà X đón xe buýt về nhà tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, bà X đem số đôla Mỹ và sợi dây chuyền bọc vào bao nylon giấu dưới chân giường trong góc phòng của con bà là Đỗ T. Sau khi cất giấu tài sản trộm cắp được, bà X đón xe buýt quay trở lại nhà bà N tiếp tục làm việc.

Sáng ngày 06 tháng 10 năm 2019, con gái bà X là Đỗ Thị T gọi điện thoại xin tiền nộp tiền học phí. Do không có tiền nên bà X chỉ dẫn vị trí giấu đôla Mỹ và sợi dây chuyền cho T. Bà X dặn T về nhà lấy số tài sản trên bán đi để nộp tiền học.

Đến sáng ngày 07 tháng 10 năm 2019, lợi dụng bà N không có ở nhà, bà X tiếp tục lên phòng ngủ bà N mở kết sắt trộm 45 chỉ vàng loại nhẫn tròn và 01 miếng vàng loại 05 chỉ được cất trong chiếc tất (vớ) để trong giỏ trắng có chấm bi màu đen của bà N. Bà X lấy tất cả số vàng có trong chiếc tất cất vào túi quần rồi bỏ chiếc tất vào trong giỏ xách, bỏ giỏ xách vào kết sắt như cũ, khóa kết sắt lại rồi để chìa khóa lên trên đầu tủ. Sau đó, bà X gặp bà N xin về quê với lý do con đau đang nhập viện và đem số vàng trên về nhà tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cất giấu. Quá trình từ nhà bà N về nhà, X đã làm rơi mất 02 chỉ vàng (tài sản không thu hồi được). Sáng ngày 08/10/2019, X đã lấy từ số vàng trên ra 03 nhẫn vàng loại 01 chỉ đem đến tiệm vàng K tại 18 H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam bán cho ông Nguyễn Văn Q được số tiền 11.700.000 đồng và đem về nhà cất giấu. Sau khi mua 03 nhẫn vàng của bà X, ông Nguyễn Văn Q đã đem nung chảy và bán lại cho khách hàng.

X rời nhà, bà N kiểm tra tài sản thì phát hiện mất một số tài sản trong kết sắt gồm: 3.000 USD (ba nghìn đô la Mỹ); 01 sợi dây chuyền vàng tây loại 05 chỉ, có mặt bằng chất liệu đá hình tròn, màu xanh, 01 thẻ vàng SJC 9999 hình chữ nhật có

khối lượng 05 chỉ và 45 chỉ vàng (bao gồm nhiều nhẫn tròn 01 chỉ và 02 chỉ) nên trình báo Công an.

****Vật chứng thu giữ:***

Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Thị X tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam thu giữ:

- Tiền mặt 13.800.000 đồng (trong đó 11.700.000 đồng là tiền bán 3 chỉ vàng trộm cắp được).

- 01 miếng kim loại màu vàng hình chữ nhật có kích thước 04cm x 02cm, mặt trước có chữ: SAIGON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999.9 FINE GOLD CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ 18.75 gam (5 chỉ) A87159, mặt sau có chữ SJC, 999.9. Khối lượng mẫu 18,74 gam;

- 20 nhẫn bằng kim loại màu vàng.

Vào lúc 12 giờ ngày 09/10/2019, Đỗ Thị T đến giao nộp 3.000 USD; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có kích thước chiều dài là 60cm, có mặt bằng đá hình tròn, màu xanh.

Theo Công văn số 1187/ĐAN-TH&KSNB của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng thì tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ áp dụng cho ngày 28/9/2019 và ngày 29/9/2019 là 01 USD = 23.160 VND, vậy 3.000 USD có giá trị 69.480.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 203/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hải Châu: 01 thẻ vàng SJC 9999 hình chữ nhật có khối lượng 05 chỉ và 20 nhẫn vàng loại 02 chỉ có trị giá 183.276.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hải Châu: 05 chỉ vàng không thu hồi được có trị giá 19.760.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hải Châu: 01 sợi dây chuyền vàng tây dài 60cm, có trọng lượng 05 chỉ có trị giá 24.044.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Lê Thị X chiếm đoạt là 296.560.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 24/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Thị X về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị X từ 03 đến 04 năm tù.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Lê Thị X thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Lê Thị X nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Vào ngày 29/9/2019 và ngày 07/10/2019, tại số nhà 110 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Lê Thị X có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Phạm Thị N 3.000 USD (ba nghìn đô la Mỹ), 01 sợi dây chuyền vàng mặt đá hình tròn, màu xanh trọng lượng 05 chỉ, 01 thẻ vàng SJC 9999 hình chữ nhật loại 05 chỉ và 45 chỉ vàng, tổng trị giá tài sản X chiếm đoạt là 296.560.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị X đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Thị X là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Lê Thị X là người có sức khỏe lao động, là người giúp việc nhà cho bà Phạm Thị N vì muốn có tiền chi tiêu trong gia đình nhưng không phải lao động nên đã lén lút thực hiện trộm cắp tài sản. X lợi dụng sự sơ hở của chủ nhà, khi dọn dẹp nhà thấy két sắt không khóa và chìa khóa két sắt nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị N. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng: Lê Thị X thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần vào ngày 29/9/2019 và ngày 07/10/2019, mỗi lần phạm tội có giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại tài sản và bồi thường cho người bị hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo X có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình thuộc hộ cận nghèo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có 01 người con bị bệnh tâm thần, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo.

[4] Đối với Đỗ Thị T có hành vi giữ số tiền 3.000 USD, sợi dây chuyền vàng và ông Nguyễn Văn Q là người mua 03 nhẫn vàng từ Lê Thị X nhưng T và ông Q không biết đây là tài sản do X phạm tội mà có, Cơ quan Công an không xử lý đối với T và ông Q là có cơ sở nên HĐXX không đề cập xử lý.

[5] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, Công an đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu bà Phạm Thị N gồm: 3.000 USD; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, mặt đá màu xanh; 01 thẻ vàng SJC 9999 loại 05 chỉ; 20 nhẫn vàng loại 02 chỉ và số tiền 13.800.000 đồng, trong đó 11.700.000 đồng là tiền X có được từ việc bán 03 chỉ vàng của bà N và 2.100.000 đồng là tiền cá nhân của X. X tự nguyện bồi thường cho bà N số tiền 2.100.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bà N đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Lê Thị X 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 08/10/2019.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thị X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo